TÁC ĐỘNG CỦA ĐỊNH HƯỚNG KHỞI NGHIỆP XÃ HỘI ĐẾN THÀNH CÔNG CỦA DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

THE IMPACT OF SOCIAL ENTREPRENEURSHIP ORIENTATION ON THE SUCCESS OF SOCIAL STARTUPS IN NAM DINH PROVINCE

Bùi Thị Xuân

Khoa Quản trị và Marketing, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 10/02/2025, chấp nhận đăng ngày 07/03/2025

Tóm tắt: Nghiên cứu này phân tích tác động của định hướng khởi nghiệp xã hội đến thành công của các doanh nghiệp khởi nghiệp xã hội (KNXH) tại tỉnh Nam Định. Bằng cách sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp giữa khảo sát định lượng với các doanh nghiệp KNXH và phỏng vấn chuyên sâu với chuyên gia, nghiên cứu đánh giá vai trò của môi trường vĩ mô, yếu tố nội tại doanh nghiệp và định hướng KNXH đối với sự phát triển của các doanh nghiệp này. Kết quả cho thấy định hướng KNXH có tác động tích cực đến thành công của doanh nghiệp, đồng thời đóng vai trò trung gian quan trọng giữa môi trường vĩ mô, yếu tố nội tại và kết quả kinh doanh. Nghiên cứu đề xuất các chính sách nhằm thúc đẩy KNXH tại Nam Định, bao gồm cải thiện môi trường chính sách, nâng cao năng lực doanh nghiệp và hỗ trợ hệ sinh thái KNXH.

Từ khóa: Khởi nghiệp xã hội, định hướng khởi nghiệp xã hội, thành công doanh nghiệp, môi trường vĩ mô, Nam Định.

Abstract: This study analyzes the impact of social entrepreneurship orientation on the success of social startups in Nam Dinh province. Using a mixed-methods approach, combining quantitative surveys with social enterprises and in-depth interviews with experts, the research assesses the role of the macro environment, internal business factors, and social entrepreneurship orientation in the growth of these enterprises. The findings indicate that social entrepreneurship orientation positively influences business success and serves as a crucial mediator between the macro environment, internal factors, and business outcomes. The study suggests policy recommendations to foster social entrepreneurship in Nam Dinh, including improving the policy environment, enhancing enterprise capacity, and supporting the social entrepreneurship ecosystem.

Keywords: Social entrepreneurship, social entrepreneurship orientation, business success, macro environment, Nam Dinh.

1. PHẦN MỞ ĐẦU

Khởi nghiệp xã hội là mô hình kinh doanh đặc biệt, kết hợp giữa mục tiêu kinh tế và sứ mệnh giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường [6]. KNXH không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn tạo ra giá trị bền vững cho cộng đồng, đặc biệt ở các địa phương có tiềm năng phát triển nhưng chưa tận dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có [5].

Tại Việt Nam, KNXH ngày càng được quan tâm và phát triển mạnh mẽ nhờ sự hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp [1]. Tuy nhiên, sự phát triển của KNXH giữa các địa phương vẫn có sự chênh lệch đáng kể do sự khác biệt về điều

kiện kinh tế - xã hội, chính sách hỗ trợ và năng lực nội tại của doanh nghiệp [3].

Tỉnh Nam Định, với lợi thế về nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng và truyền thống sản xuất, đang nổi lên như một khu vực tiềm năng cho các doanh nghiệp KNXH, đặc biệt trong các lĩnh vực nông nghiệp bền vững, sản xuất hàng thủ công truyền thống và dịch vụ cộng đồng [2]. Số lượng doanh nghiệp KNXH trên địa bàn tỉnh đang có xu hướng gia tăng, tuy nhiên, các doanh nghiệp này vẫn đối mặt với nhiều thách thức như hạn chế trong tiếp cận vốn, thiếu chính sách hỗ trợ cụ thể, cũng như năng lực quản lý chưa đồng đều [4].

Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng KNXH tại tỉnh Nam Định, bao gồm tác động của môi trường vĩ mô (chính sách, thể chế, chương trình hỗ trợ) và các yếu tố nội tại của doanh nghiệp (nguồn nhân lực, năng lực tự thân, hoạt động nghiên cứu và phát triển). Đồng thời, nghiên cứu cũng đánh giá ảnh hưởng của định hướng KNXH trong vai trò trung gian tác động đến thành công của các doanh nghiệp KNXH tại địa phương.

Kết quả nghiên cứu không chỉ đóng góp vào lý luận về KNXH tại Việt Nam mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn giúp các cơ quan quản lý và doanh nghiệp KNXH tại Nam Định xây dựng các chiến lược phát triển phù hợp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững trong khu vực.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm khởi nghiệp xã hội

Khởi nghiệp xã hội (KNXH) được hiểu là quá trình tạo ra và phát triển các doanh nghiệp có mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội hoặc môi trường bên cạnh mục tiêu kinh doanh. KNXH không chỉ tập trung vào lợi nhuận mà còn đặt ưu tiên vào tác động xã hội, thường thông qua việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp sáng tạo giúp cải thiện đời sống cộng đồng. KNXH có thể được thực hiện bởi các tổ chức phi lợi nhuận hoặc doanh nghiệp có định hướng xã hội [5].

Khi phân tích KNXH từ góc độ tổ chức, các tác giả nhấn mạnh rằng các doanh nghiệp KNXH thường tận dụng các mô hình kinh doanh truyền thống nhưng điều chỉnh để phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững [6]. KNXH phân loại thành ba nhóm chính: *knights (các hiệp sĩ đổi mới), explorers (người khám phá thị trường mới), và searchers (người tìm kiếm giải pháp đặc thù cho từng cộng đồng)*, mỗi nhóm có động lực và chiến lược khác nhau để phát triển [7].

Tại Việt Nam, KNXH đang ngày càng được công nhận như một mô hình kinh doanh tiềm năng giúp giải quyết các vấn đề xã hội, chẳng hạn như việc làm cho lao động yếu thế, bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng bền vững [1].

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển khởi nghiệp xã hội

Môi trường vĩ mô và yếu tố nội tại của doanh nghiệp là hai nhóm nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự thành công của doanh nghiệp KNXH [8].

Bên cạnh môi trường vĩ mô, yếu tố nội tại cũng quyết định khả năng thành công của một doanh nghiệp KNXH.

- *Nguồn nhân lực doanh nhân xã hội:* Đội ngũ sáng lập và nhân viên có chuyên môn cao về cả kinh doanh và quản lý xã hội sẽ giúp doanh nghiệp KNXH phát triển hiệu quả hơn [9].
- *Nỗ lực tự thân của doanh nghiệp KNXH:* Các doanh nghiệp KNXH cần có tinh thần đổi mới và sáng tạo để duy trì hoạt động và phát

triển. Khả năng thích nghi với thị trường và tận dụng các cơ hội kinh doanh là yếu tố quan trọng giúp KNXH tồn tại lâu dài [7].

▪ *Hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D):* Việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển giúp doanh nghiệp KNXH nâng cao hiệu quả hoạt động và mở rộng mô hình kinh doanh bền vững [2].

2.3. Tình hình phát triển khởi nghiệp xã hội tại tỉnh Nam Định

Số lượng doanh nghiệp KNXH trên địa bàn tỉnh có xu hướng gia tăng trong giai đoạn 2020-2023, đặc biệt trong các lĩnh vực như giáo dục, môi trường, sản xuất bền vững và hỗ trợ lao động yếu thế [4]. Môi trường vĩ mô với nhiều hỗ trợ, ưu đãi, tạo điều kiện cho sự phát triển của doanh nghiệp KNXH. Ví dụ, UBND tỉnh Nam Định đã ban hành các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp KNXH tiếp cập vốn thông qua các quỹ phát triển. Sở Tài chính triển khai chương trình đào tạo và tư vấn khởi nghiệp. Tuy nhiên, báo cáo này cũng chỉ ra một số thách thức như *hạn chế về vốn, thiếu mạng lưới hỗ trợ và chưa có nhiều chính sách ưu đãi đặc thù dành riêng cho KNXH.* Ngoài ra, các doanh nghiệp KNXH tại Nam Định có xu hướng tập trung vào các ngành nghề truyền thống nhưng kết hợp với công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả hoạt động [3]. Tuy nhiên, tỷ lệ thành công của các doanh nghiệp KNXH vẫn thấp hơn so với các doanh nghiệp thông thường do hạn chế về khả năng tiếp cận nguồn lực và thị trường.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp hỗn hợp (mixed-methods), kết hợp giữa nghiên cứu định tính và định lượng để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp xã hội (KNXH) tại tỉnh Nam Định.

Nghiên cứu định tính được thực hiện nhằm khám phá sâu hơn về các yếu tố chính sách, tài chính, môi trường kinh doanh và các yếu tố nội tại của doanh nghiệp KNXH. Dữ liệu định tính được thu thập thông qua phỏng vấn chuyên sâu với đại diện các doanh nghiệp KNXH, chuyên gia trong lĩnh vực khởi nghiệp và cán bộ quản lý nhà nước.

Nghiên cứu định lượng nhằm kiểm định các giả thuyết nghiên cứu bằng cách khảo sát doanh nghiệp KNXH tại Nam Định. Dữ liệu thu thập được phân tích bằng các phương pháp thống kê để đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đối với sự phát triển của KNXH.

3.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

3.2.1. Dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn như: Báo cáo từ UBND tỉnh Nam Định, Sở Tài chính tỉnh Nam Định (2020-2023) về tình hình phát triển và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp KNXH; các nghiên cứu trước đây về KNXH trong và ngoài nước, bao gồm các công trình của [7], [6] và [1]. Ngoài ta, số liệu thứ cấp cũng bao gồm số liệu thống kê từ Tổng cục Thống kê và các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp**.**

3.2.2. Dữ liệu sơ cấp

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua hai phương pháp:

Phỏng vấn chuyên sâu: Đối tượng phỏng vấn gồm 5 doanh nhân KNXH, 3 chuyên gia nghiên cứu về KNXH và 2 cán bộ quản lý từ Sở Tài chính tỉnh Nam Định**.** Nội dung phỏng vấn tập trung vào nhận định về môi trường kinh doanh, khó khăn trong hoạt động và các giải pháp phát triển KNXH.

Khảo sát bằng bảng hỏi:

Cỡ mẫu: Khoảng gần 100 doanh nghiệp KNXH tại Nam Định, được chọn ngẫu nhiên từ danh sách doanh nghiệp do Sở Tài chính tỉnh Nam Định cung cấp.

Thang đo: Sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (1 = Hoàn toàn không đồng ý, 5 = Hoàn toàn đồng ý) để đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự phát triển của KNXH.

Cách thiết kế bảng hỏi: Cấu trúc bảng hỏi gồm 3 phần: Phần 1 bao gồm thông tin chung về doanh nghiệp (lĩnh vực hoạt động, thời gian thành lập, quy mô nhân sự, doanh thu…); phần 2 dùng để đo lường các yếu tố trong mô hình nghiên cứu, thang đo được kế thừa từ các nghiên cứu trong tổng quan nghiên cứu; phần 3 bao gồm các câu hỏi mở nhằm thu thập ý kiến phản hồi của doanh nghiệp về KNXH tại Nam Định.

3.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

3.3.1. Phân tích định tính

Dữ liệu từ phỏng vấn được mã hóa theo phương pháp phân tích nội dung (content analysis*)*. Các chủ đề chính được trích xuất để so sánh với lý thuyết hiện có nhằm xác định các yếu tố tác động đến KNXH tại Nam Định.

3.3.2. Phân tích định lượng

Phân tích mô tả: Đánh giá đặc điểm mẫu khảo sát, bao gồm tuổi đời doanh nghiệp, ngành nghề hoạt động và quy mô vốn.

Kiểm định độ tin cậy thang đo (Cronbach's Alpha): Đảm bảo thang đo có độ tin cậy cao trước khi tiến hành các phân tích tiếp theo.

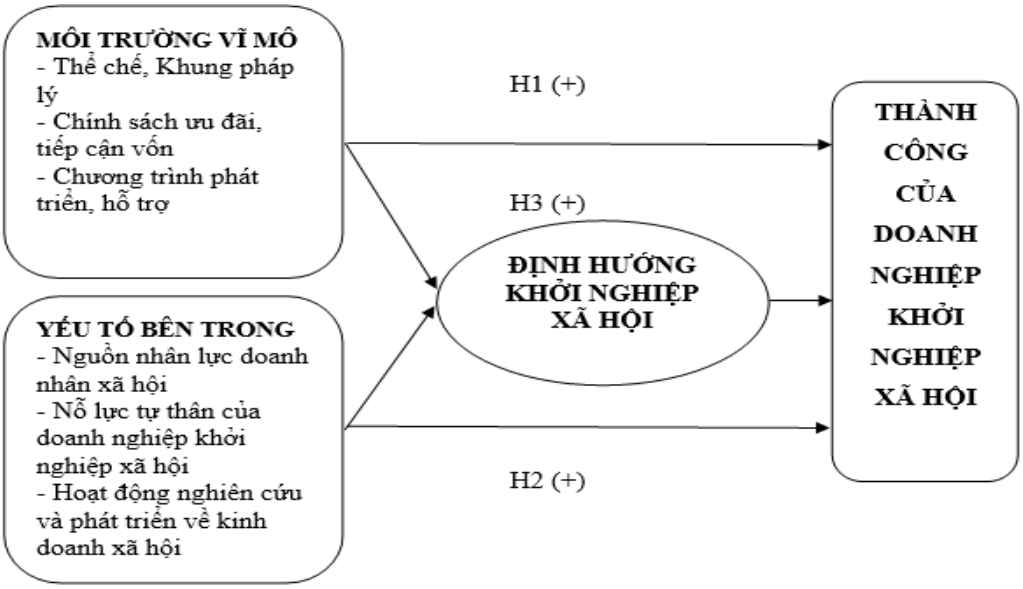
Phân tích nhân tố khám phá (EFA): Nhóm các biến có liên quan để xác định các yếu tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển của KNXH.

Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến: Kiểm định mối quan hệ giữa các yếu tố độc lập (môi trường kinh doanh, chính sách hỗ trợ, năng lực đổi mới sáng tạo…) và biến phụ thuộc (mức độ phát triển của KNXH).

Các phân tích này được thực hiện bằng phần mềm SPSS 26.0.

3.4. Giả thuyết nghiên cứu, thang đo các biến trong mô hình

Qua tổng quan nghiên cứu và xác định khoảng trống nghiên cứu như trên, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu cho đề tài của mình như sau.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu:

H1: Môi trường vĩ mô thuận lợi có tác động thuận chiều đến thành công của doanh nghiệp khởi nghiệp xã hội.

H2: Yếu tố bên trong doanh nghiệp thuận lợi có tác động thuận chiều đến thành công của doanh nghiệp khởi nghiệp xã hội.

H3: Định hướng khởi nghiệp xã hội có vai trò trung gian trong các tác động từ môi trường vĩ mô và các yếu tố bên trong doanh nghiệp đến thành công của doanh nghiệp khởi nghiệp xã hội.

Các biến trong mô hình được đo lường bằng thang đo Likert 5 điểm (1 = Hoàn toàn không đồng ý, 5 = Hoàn toàn đồng ý).

Biến độc lập:

- Môi trường vĩ mô (MV)

MV1: Chính sách ưu đãi và tiếp cận vốn từ chính phủ

MV2: Khung pháp lý hỗ trợ KNXH

MV3: Chương trình phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp KNXH

- Yếu tố bên trong (YTBT)

YTBT1: Chất lượng nguồn nhân lực trong doanh nghiệp KNXH

YTBT2: Nỗ lực tự thân của doanh nghiệp KNXH

YTBT3: Hoạt động nghiên cứu phát triển kinh doanh xã hội

Biến trung gian:

- Định hướng KNXH (DHKNXH)

DH1: Mức độ cam kết với mục tiêu xã hội

DH2: Chiến lược kinh doanh hướng đến tác động xã hội

DH3: Khả năng thích ứng với thay đổi trong kinh doanh xã hội

Biến phụ thuộc:

- Thành công của doanh nghiệp KNXH (TCKNXH)

TC1: Hiệu quả tài chính của doanh nghiệp

TC2: Tác động xã hội của doanh nghiệp

TC3: Khả năng mở rộng quy mô hoạt động

Việc đưa định hướng khởi nghiệp xã hội (DHKNXH) vào mô hình nghiên cứu xuất phát từ cơ sở lý thuyết và thực tiễn sau:

Cơ sở lý thuyết: Định hướng khởi nghiệp xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra lợi thế cạnh tranh và tác động xã hội bền vững [6]. KNXH không chỉ đơn thuần là một hoạt động kinh doanh mà còn là sự kết hợp giữa giá trị kinh tế và trách nhiệm xã hội.

Cơ sở thực tiễn: Các doanh nghiệp KNXH tại Nam Định hoạt động trong điều kiện kinh tế và chính sách còn hạn chế. Một số doanh nghiệp thành công nhờ vào *chiến lược định hướng xã hội rõ ràng*, trong khi một số doanh nghiệp thất bại do *thiếu cam kết với mục tiêu xã hội*. Điều này cho thấy DHKNXH có thể là yếu tố trung gian quan trọng giúp giải thích tác động của môi trường vĩ mô và yếu tố nội tại đến sự thành công của doanh nghiệp KNXH.

Ngoài ra, ba tiêu chí DH1, DH2, DH3 được lựa chọn dựa trên các nghiên cứu quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam: *DH1 (Mức độ cam kết với mục tiêu xã hội)*: Một doanh nghiệp KNXH thành công phải có cam kết mạnh mẽ với mục tiêu xã hội, không chỉ là hoạt động kinh doanh thông thường [11]. *DH2 (Chiến lược kinh doanh hướng đến tác động xã hội)*: Định hướng KNXH không chỉ thể hiện qua tuyên bố sứ mệnh mà còn trong chiến lược vận hành, quyết định tài chính và mở rộng quy mô [5]. *DH3 (Khả năng thích ứng với thay đổi trong kinh doanh xã hội)*: Trong môi

trường biến động như Việt Nam, doanh nghiệp KNXH phải có khả năng đổi mới và thích nghi với điều kiện thị trường và chính sách [8].

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu khảo sát gần 100 doanh nghiệp KNXH tại tỉnh Nam Định, Kết quả thống kê mô tả cho thấy:

Tuổi đời doanh nghiệp: 35% doanh nghiệp hoạt động dưới 3 năm, 45% từ 3-5 năm, 20% trên 5 năm.

Quy mô doanh nghiệp: 60% có dưới 10 nhân viên, 30% từ 10-50 nhân viên, 10% trên 50 nhân viên.

Ngành nghề: 40% trong lĩnh vực giáo dục, 25% y tế, 20% môi trường, 15% phát triển cộng đồng.

Mức độ tiếp cận chính sách hỗ trợ: 55% doanh nghiệp cho biết đã nhận hỗ trợ từ các chính sách địa phương, 45% chưa tiếp cận được các chương trình hỗ trợ.

4.2. Kiểm định độ tin cậy thang đo

Để đảm bảo tính chính xác của các thang đo, nghiên cứu sử dụng hệ số Cronbach's Alpha để kiểm định độ tin cậy của từng nhóm biến. Kết quả kiểm định: *Môi trường vĩ mô (chính sách hỗ trợ, tiếp cận vốn, pháp lý):* Cronbach's Alpha = 0.85. *Yếu tố nội tại doanh nghiệp (nhân lực, năng lực đổi mới, R&D):* Cronbach's Alpha = 0.82. *Định hướng KNXH:* Cronbach's Alpha = 0.87. *Thành công của KNXH:* Cronbach's Alpha = 0.88

Tất cả các thang đo đều có hệ số Cronbach's Alpha > 0.7, đảm bảo độ tin cậy cao và có thể sử dụng trong các phân tích tiếp theo.

4.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích nhân tố khám phá (EFA) được thực hiện để kiểm tra cấu trúc các biến đo lường. Kết quả *Kaiser-Meyer-Olkin (KMO) = 0.821* và kiểm định Bartlett's Test ($p < 0.05$) cho thấy dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố. Các nhân tố chính được trích xuất: *Nhân tố 1 (Môi trường vĩ mô):* 34.5% phương sai. *Nhân tố 2 (Nội lực doanh nghiệp):* 28.7% phương sai. *Nhân tố 3 (Định hướng KNXH):* 21.3% phương sai.

Tổng phương sai giải thích đạt **84.5%**, cho thấy các biến quan sát giải thích tốt các khái niệm trong mô hình nghiên cứu.

4.4. Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Mô hình hồi quy được sử dụng để kiểm định mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng và sự thành công của KNXH. Kết quả như sau:

$Y = 0.35X_1 + 0.42X_2 + 0.29X_3 + e$

Trong đó:

Y = Thành công của KNXH;

X_1 = Môi trường vĩ mô ($\beta = 0.35$, $p < 0.05$);

X_2 = Nội lực doanh nghiệp ($\beta = 0.42$, $p < 0.01$);

X_3 = Định hướng KNXH ($\beta = 0.29$, $p < 0.05$).

e là sai số ngẫu nhiên (phần dư).

Giá trị $R^2 = 0.68$ cho thấy mô hình có độ phù hợp cao, giải thích được 68% sự biến thiên của sự thành công KNXH tại Nam Định.

4.5. Kiểm định giả thuyết

Kết quả kiểm định giả thuyết như sau:

H1: Môi trường vĩ mô có tác động tích cực đến sự phát triển của KNXH → Được chấp nhận ($p < 0.05$)

H2: Nội lực doanh nghiệp ảnh hưởng đến sự thành công của KNXH → Được chấp nhận ($p < 0.01$)

H3: Định hướng KNXH đóng vai trò trung gian giữa môi trường vĩ mô và thành công của KNXH → Được chấp nhận ($p < 0.05$)

Kết quả trên cho thấy các yếu tố môi trường vĩ mô và năng lực nội tại của doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển KNXH tại Nam Định.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thành công của doanh nghiệp khởi nghiệp xã hội tại Nam Định và rút ra những kết luận quan trọng. Cụ thể, môi trường vĩ mô có tác động tích cực đến sự phát triển của KNXH, nhưng vẫn cần cải thiện về thủ tục hành chính và khả năng tiếp cận vốn. Nội lực doanh nghiệp, đặc biệt là năng lực đổi mới và chất lượng nhân sự, đóng vai trò quyết định đến thành công của KNXH. Bên cạnh đó, định hướng KNXH là yếu tố trung gian quan trọng, giúp doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các chính sách hỗ trợ hiện hành. Dựa trên những phát hiện này, nghiên cứu đề xuất một số chính sách nhằm thúc đẩy KNXH tại Nam Định. Trước hết, cần cải thiện môi trường chính sách thông qua việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các chương trình hỗ trợ, đồng thời tăng cường kết nối giữa KNXH với các quỹ đầu tư và tổ chức phi lợi nhuận. Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực doanh nghiệp KNXH bằng cách xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu về quản trị tài chính và đổi mới sáng tạo, cũng như khuyến khích hợp tác giữa các doanh nghiệp để tối ưu hóa nguồn lực. Ngoài ra, việc hỗ trợ định hướng phát triển KNXH là rất quan trọng, bao gồm việc thành lập các vườn ươm khởi nghiệp chuyên biệt và nhân rộng các mô hình kinh doanh có tác động xã hội cao trên toàn tỉnh.

Kết quả nghiên cứu này cung cấp nền tảng quan trọng cho các nhà hoạch định chính sách và doanh nghiệp trong việc xây dựng chiến lược phát triển KNXH, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững tại Nam Định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nguyễn Thị Minh Phương, "Phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp xã hội tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, tập 8, tr. 56-62, (2020).

[2] Sở Tài chính tỉnh Nam Định, *Báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp xã hội tại tỉnh Nam Định năm 2022*, UBND tỉnh Nam Định, (2022).

[3] Trần Thị Hương, & Lê Văn Tâm, "Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp xã hội tại Việt Nam", *Tạp chí Khoa học Kinh tế*, tập 45, số 2, tr. 89-103, (2021).

[4] UBND tỉnh Nam Định, *Báo cáo tổng kết kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2020-2023*, UBND tỉnh Nam Định, (2023).

[5] Dees, J.G., *The meaning of social entrepreneurship*, Kauffman Center for Entrepreneurial Leadership, (1998).

[6] Mair, J., & Martí I, "Social entrepreneurship research: A source of explanation, prediction, and delight", *Journal of World Business*, vol. 41, no. 1, pp. 36-44. https://doi.org/10.1016/j.jwb.2005.09.002 (2006).

[7] Zahra, S.A., Gedajlovic, E., Neubaum, D.O., & Shulman, J. M., "A typology of social entrepreneurs: Motives, search processes and ethical challenges", *Journal of Business Venturing*, vol. 24, no. 5, pp. 519-532. https://doi.org/10.1016/j.jbusvent.2008.04.007 (2009).

[8] Austin, J., Stevenson, H., & Wei-Skillern, J., "Social and commercial entrepreneurship: Same, different, or

both?", *Entrepreneurship Theory and Practice*, vol. 30, no. 1, pp. 1-22. https://doi.org/10.1111/j.1540-6520.2006.00107.x (2006).

[9] Bacq, S., & Janssen, F., "The multiple faces of social entrepreneurship: A review of definitional issues based on geographical and thematic criteria", *Entrepreneurship & Regional Development*, vol. 23, no. 5-6, pp. 373-403. https://doi.org/10.1080/08985626.2011.577242 (2011).

[10] Defourny, J., & Nyssens, M., "Conceptions of social enterprise and social entrepreneurship in Europe and the United States: Convergences and divergences", *Journal of Social Entrepreneurship*, vol. 1, no. 1, pp. 32-53. https://doi.org/10.1080/19420670903442053 (2010).

[11] Yunus, M., Moingeon, B., & Lehmann-Ortega, L., "Building social business models: Lessons from the Grameen experience", *Long Range Planning*, vol. 43, no. 2-3, pp. 308-325.

https://doi.org/10.1016/j.lrp.2009.12.005 (2010).

Thông tin liên hệ: **Bùi Thị Xuân**

Điện thoại: 0913290136 - Email: btxuan@uneti.edu.vn

Khoa Quản trị và Marketing, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.